TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÂN HIỆU TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Đề thi môn:Công nghệ Java

Mã đề:1

Câu 1:Java Virtual Machine là gì?

\*:A. Là một thành phần của Java platform dùng để đọc mã bytecode trong file .class

:B. Là chương trình biên dịch của java dùng để biên dịch file nguồn java thành mã bytecode.

:C. Là chương trình chạy cho java

:D. Tất cả đều đúng

Câu 2:Thứ tự các từ khóa public và static khi khai bao như thế nào?

:A. public đứng trước static

:B. static đứng trước public

\*:C. Thứ tự bất kỳ nhưng thông thường public đứng trước

:D. Tất cả đều sai.

Câu 3:Câu lệnh khai báo chuẩn cho phương thức main như thế nào?

\*:A. public static void main(String[] a) {}

:B. public static int main(String args) {}

:C. public static main(String[] args) {}

:D. public static final void main(String[] args) {}

Câu 4:Khi biên dịch gặp lỗi Exception in thread main java.lang.NoClassDefFoundError:myprogram. Lỗi này có nghĩa gì?

\*:A. Đường dẫn chương trình sai.

:B. Không có hàm main

:C. Không khai báo class

:D. Không có từ khóa public tại mở đầu khai báo class

Câu 5:Câu nào sau đây là sai?

:A. /\*\* chú thích \*/

:B. /\* chú thích \*/

\*:C. /\* chú thích

:D. // chú thích

Câu 6:Một chương trình gồm 2 class sẽ có bao nhiêu phương thức main?

:A. 1

\*:B. 2

:C. 3

:D. 4

Câu 7:Cách đặt tên nào sau đây là sai?

:A. 2word

:B. \*word

:C. main

\*:D. Tất cả đều sai.

Câu 8:Có bao nhiêu kiểu số nguyên trong Java?

:A. 1

:B. 2

:C. 3

\*:D. 4

Câu 9:Khai báo nào sau đây là khai báo biến lớp?

:A. final double d;

\*:B. private static id;

:C. volatile int sleepTime

:D. Không có đáp án đúng

Câu 10:Đoạn mã sau có lỗi biên dịch gì?

\*:A. Không có lỗi biên dịch

:B. name has private access.

:C. age has protected access.

:D. name has public access.

Câu 11:Tính năng nào không phải là tính năng của Java?

:A. Dynamic (Động)

:B. Architecture Neutral (Độc lập với cấu trúc)

\*:C. Use of pointers (Sử dụng các điểm trỏ)

:D. Object-oriented (Hướng đối tượng)

Câu 12:Tùy chọn nào sau đây dẫn đến tính di động và bảo mật của Java?

\*:A. Bytecode được thực thi bởi JVM

:B. Applet làm cho mã Java an toàn và di động

:C. Sử dụng xử lý ngoại lệ

:D. Liên kết động giữa các đối tượng

Câu 13:Có bao nhiêu kiểu số nguyên trong Java?

:A. 1

:B. 2

:C. 3

\*:D. 4

Câu 14:Khai báo nào sau đây là khai báo biến lớp?

:A. final double d;

\*:B. private static id;

:C. volatile int sleepTime

:D. Không có đáp án đúng

Câu 15:Cho xâu kí tự s=”ABCDEF”. Để lấy kỳ tự thứ ‘E’ của xâu ký tự s(String) dùng câu lệnh nào sau đây?

:A. s.charAt(5)

\*:B. s.charAt(4)

:C. s[5]

:D. s[4]

Câu 16:1: Nếu 2 đối tượng bằng nhau trong cùng một mảng và mảng đó được sắp xếp, các phần tử bằng nhau không thể thay đối thứ tự của chúng?2: Chỉ số mảng bắt đầu từ 1. Chọn một câu trả lời

:A. Cả hai câu đều đúng

\*:B. Cả hai câu đều sai

:C. Câu 1 đúng, câu 2 sai

:D. Câu 2 đúng, câu 1 sai

Câu 17:Có bao nhiêu kiểu số nguyên trong Java?

:A. 1

:B. 2

:C. 3

\*:D. 4

Câu 18:Cách đặt tên nào sau đây là không chính xác?

\*:A. final

:B. dem

:C. \_final

:D. $final

Câu 19:Trong các khai báo sau đâu là khai báo không hợp lệ?Chọn một câu trả lời

\*:A. int a1[][] = new int[][3];

:B. int a2[][] = new int[2][3];

:C. int a3[][] = new int[2][];

:D. int a4[][] = {{}, {}, {}}

Câu 20:Đoạn lệnh nào sẽ đưa ra lỗi biên dịch?Chọn một câu trả lời

:A. class A { public A(int x) {} }

:B. class A {} class B extends A { B() {}}

:C. Class A { A() {}} class B { public B() {} }

\*:D. class Z { public Z(int) {} } class A extends Z { }[[1]](#footnote--1)

1. HẾT [↑](#footnote-ref--1)